

# TÒA ÁN TUYÊN BỊ CÁO KHÔNG CÓ TỘI QUA THỰC TIỄN THI HÀNH BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2021

NGUYỄN QUANG ĐẠO\*<sup>1</sup>, LÊ VĂN THẮNG<sup>1</sup>, NGUYỄN THÀNH MINH CHÁNH<sup>1</sup>, NGUYỄN THỊ KIM OANH<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Khoa Luật, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

\* [nguyenquangdao@iuh.edu.vn](mailto:nguyenquangdao@iuh.edu.vn)

DOIs: <https://doi.org/10.46242/jstiuh.v69i03.5115>

**Tóm tắt.** Trong công tác phòng chống tội phạm, các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự của Việt Nam thực hiện các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử về cơ bản đã bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, vẫn xảy ra tình trạng Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội khi xét xử vụ án hình sự; có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó: có trường hợp do các vi phạm về tố tụng hoặc vi phạm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật hình sự ở giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố dẫn đến oan, sai, có vụ nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận; có trường hợp xuất phát từ hoạt động xét xử của Tòa án đã nhận định, đánh giá không toàn diện, không phù hợp tài liệu chứng cứ khách quan của vụ án; nhiều trường hợp do Nhà nước có thay đổi về chính sách pháp luật nên hành vi không cấu thành tội phạm; bên cạnh đó, còn có nguyên nhân là tồn tại một số quy định chồng chéo và mâu thuẫn giữa các văn bản luật cùng điều chỉnh một vấn đề hoặc quy định chưa mạch lạc dẫn đến những cách hiểu, áp dụng pháp luật khác nhau, gây ra nhiều khó khăn trong việc thi hành pháp luật trên thực tế.

Bài viết này trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường triển khai nhằm mục đích đánh giá thực trạng để xác định các dạng vi phạm thường gặp, làm rõ nguyên nhân tình trạng án hình sự Tòa án xét xử đã tuyên bị cáo không phạm tội, từ đó có một số kiến nghị giải pháp phù hợp góp phần bảo đảm việc đấu tranh xử lý tội phạm chính xác, đúng pháp luật và kịp thời, đồng thời ngăn ngừa tới mức thấp nhất mọi hành vi xâm phạm quyền con người, quyền công dân được Hiến pháp quy định.

**Từ khóa:** Tòa án tuyên không có tội, Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội, Tòa án tuyên bị cáo vô tội.

## 1. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CĂN CỨ TÒA ÁN TUYÊN BỊ CÁO KHÔNG PHẠM TỘI

### 1.1. Thẩm quyền của Tòa án

#### **Thứ nhất, ở giai đoạn xét xử sơ thẩm:**

Ở phần thủ tục tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi kết thúc việc xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày luận tội; nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội (khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2021);

Khi nghị án, nếu có căn cứ xác định bị cáo không có tội thì Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bị cáo không có tội, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác trong trường hợp bị cáo không có tội (khoản 4 Điều 326, Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2021).

**Thứ hai, ở giai đoạn xét xử phúc thẩm:** Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án khi có một trong các căn cứ sau: (i) không có sự việc phạm tội; (ii) hành vi không cấu thành tội phạm (Điều 157, Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2021).

**Thứ ba, thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm (các Điều: 387, 388, 392, 402, 403 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2021):**

Một là, Hội đồng giám đốc thẩm có thẩm quyền xem xét toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung kháng nghị. Theo đó, thì Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án nếu xác định không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm.

## TÒA ÁN TUYÊN BỊ CÁO KHÔNG CÓ TỘI...

*Hai là*, Hội đồng tái thẩm có thẩm quyền hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án khi có căn cứ xác định bị cáo không có tội.

***Thứ tư, về thi hành bản án, quyết định của Tòa án và quy định khác liên quan (các Điều: 363, 125, 130, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2021):***

*Một là*, về Bản án, quyết định của Tòa án được thi hành ngay: trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án, tuyên bị cáo không có tội thì bản án hoặc quyết định của Tòa án được thi hành ngay, mặc dù vẫn có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

*Hai là*, về hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản: trường hợp bị cáo được Tòa án tuyên không có tội thì mọi biện pháp ngăn chặn, biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản đang áp dụng phải được hủy bỏ.

*Ba là*, về trách nhiệm chi trả chi phí tố tụng, lệ phí: trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội thì bị hại phải trả án phí.

### **1.2. Căn cứ xác định bị cáo không có tội**

***Thứ nhất, khái quát về dấu hiệu tội phạm:***

Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định tội phạm phải là hành vi. Những gì mới trong tư tưởng, chưa thể hiện ra bên ngoài bằng hành vi thì chưa thể là tội phạm. Điều này có nghĩa là luật hình sự Việt Nam cấm truy nã tư tưởng. Tội phạm hay hành vi bị coi là tội phạm có 3 đặc điểm: 1) tính nguy hiểm cho xã hội, 2) tính có lỗi và 3) tính trái luật hình sự. Đây là các đặc điểm (thuộc tính) cơ bản của tội phạm cho phép phân biệt tội phạm với các hành vi vi phạm pháp luật khác. Nhiều tác giả cho rằng tội phạm có 4 đặc điểm, ngoài 3 đặc điểm trên còn đặc điểm thứ 4 là “tính phải chịu hình phạt”. Tuy nhiên, GS. Nguyễn Ngọc Hòa không coi “tính chịu hình phạt” là một đặc điểm và cho rằng hình phạt là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm, một hành vi bị coi là tội phạm vì có tính gây thiệt hại, vì có lỗi và được quy định trong luật hình sự, chứ không phải vì có tính chịu hình phạt. Chúng tôi đồng tình với quan điểm này, vì có trường hợp phạm tội mà không phải chịu hình phạt như được miễn trách nhiệm hình sự, v.v.,...

Các đặc điểm của tội phạm cho thấy được tính chất (bản chất) của tội phạm, đó là những thuộc tính cơ bản của một khái niệm mà khái niệm ở đây là tội phạm; khác với cấu thành tội phạm (được khái quát dưới đây) là kết cấu của một khái niệm (những thiết chế cần và đủ cho một khái niệm), căn cứ vào bốn yếu tố cấu thành tội phạm để xác định một hành vi có cấu thành tội phạm không, nếu có thì đó là tội gì. Nếu ví tội phạm là một chiếc xe máy, thì đặc điểm của chiếc xe và cấu trúc của chiếc xe là hai vấn đề khác nhau nhưng lại có liên quan mật thiết với nhau.

***Thứ hai, cơ sở xác định:***

Theo các quy định nêu trên, khi có căn cứ xác định không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm thì Tòa án tuyên bị cáo không có tội. Theo đó:

*Một là*, không có sự việc phạm tội có thể biểu hiện ở hai trường hợp: (i) hoàn toàn không có sự việc nào xảy ra; (ii) có sự việc xảy ra trong thực tế nhưng sự việc đó không phải là tội phạm, nghĩa là mặc dù có sự việc xảy ra, nhưng sự việc đó không do hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra. Ví dụ: một người chết do bị bệnh, được xác định không có sự việc phạm tội;

*Hai là*, hành vi không cấu thành tội phạm: là tổng hợp các dấu hiệu cần và đủ của tội phạm được quy định chặt chẽ trong Bộ luật Hình sự, đó là những dấu hiệu cơ bản và điển hình nhất đặc trưng cho một tội phạm nhất định. Chỉ những hành vi có đầy đủ các dấu hiệu đó mới bị coi là tội phạm. Bất cứ một hành vi nào dù gây ra những thiệt hại nhất định nhưng nếu không có đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm thì cũng không phải là tội phạm, và người thực hiện hành vi đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự thì một hành vi tuy về hình thức có dấu hiệu tội phạm nhưng do tính chất, mức độ nguy hiểm không đáng kể hoặc hành vi đã có những tình tiết loại trừ tính có lỗi và tính nguy hiểm cho xã hội như sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, v.v.,... thì cũng không là tội phạm.

***Thứ ba, khái quát về cấu thành tội phạm:***

Theo quan điểm truyền thống, cấu thành tội phạm là “sự mô tả tội phạm trong luật”, là “tổng hợp những dấu hiệu chung có tính chất đặc trưng cho tội phạm cụ thể được quy định trong luật hình sự”, v.v.,... Cũng theo quan điểm truyền thống, cấu thành tội phạm bao gồm 4 yếu tố; khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm. Bốn yếu tố này thể hiện 4 dấu hiệu của tội phạm. Mặc dù có cách diễn đạt khác nhau nhưng các quan điểm đều thống nhất rằng cấu thành tội phạm là khuôn mẫu pháp lý của một loại tội phạm cụ thể và các yếu tố cấu thành tội phạm là thể hiện trong luật các dấu hiệu của tội phạm. Hay nói cách

khác, cấu thành tội phạm không chỉ là cơ sở pháp lý để định tội trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự mà còn là cơ sở pháp lý cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự trong các trường hợp tội phạm cụ thể được thực hiện.

Như vậy, việc xác định một chủ thể có phạm tội hay không và phạm tội gì là xác định hành vi của họ có thỏa mãn các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm hay không. Mỗi quan hệ giữa cấu thành tội phạm và tội phạm là mối quan hệ giữa khái niệm pháp lý và hiện tượng thực tế mà khái niệm đó phản ánh.

## **2. MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH TÒA ÁN TUYÊN BỊ CÁO KHÔNG PHẠM TỘI THỂ HIỆN Ở CÁC DẠNG CỤ THỂ QUA THỰC TIỄN THI HÀNH BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015**

Trong năm 2020 và nhiệm kỳ 2016-2020 công tác giải quyết, xét xử các vụ án hình sự bảo đảm nghiêm minh, đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai, kết án oan người không có tội. Trong nhiệm kỳ, các Tòa án đã thụ lý 386.165 vụ với 650.546 bị cáo; đã giải quyết, xét xử được 384.209 vụ với 641.616 bị cáo, đạt tỷ lệ 99,5% về số vụ và 98,6% về số bị cáo, vượt chỉ tiêu Nghị quyết của Quốc hội đề ra. Trong đó, năm 2020, các Tòa án đã thụ lý 89.726 vụ với 162.295 bị cáo; đã giải quyết, xét xử được 87.770 vụ với 153.365 bị cáo, đạt tỷ lệ 97,8% về số vụ và 94,5% về số bị cáo (so với năm 2019, thụ lý tăng 2.014 vụ với 15.842 bị cáo, giải quyết tăng 10.314 vụ với 26.853 bị cáo), tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy là 1,18% (do nguyên nhân chủ quan là 0,59%); bị sửa là 4,91% (do nguyên nhân chủ quan là 0,26%); Trong năm 2021, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy là 0,92%, giảm 0,26% (do nguyên nhân chủ quan là 0,42%); bị sửa là 4,52%, giảm 0,39% (do nguyên nhân chủ quan là 0,18%), không có bị cáo nào bị tuyên không phạm tội; Trong năm 2022, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy là 0,72% (do nguyên nhân chủ quan là 0,51%); bị sửa là 5,11% (do nguyên nhân chủ quan là 0,23%), đáp ứng yêu cầu Nghị quyết Quốc hội và Tòa án đề ra, chưa phát hiện trường hợp nào kết án oan người vô tội (Chưa phát hiện trường hợp nào Tòa án tuyên có tội nhưng sau đó bị kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm theo hướng không có tội).

Từ thời điểm Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đến nay, số vụ án hình sự đưa ra xét xử mà Tòa án tuyên bố bị cáo không phạm tội xảy ra ít. Một số trường hợp điển hình như sau:

### **2.1. Không đủ căn cứ chứng minh mức độ thiệt hại để buộc tội, kết tội bị cáo**

Xem xét Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 07-01-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Theo đó, Hội đồng xét xử nhận định không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội nên tuyên bố 06 (sáu) bị cáo không phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”; và việc giải quyết khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo theo quy định của pháp luật. Bản án này có thể được xem là điển hình trong lịch sử tố tụng hình sự Việt Nam về viện dẫn áp dụng nguyên tắc “Suy đoán vô tội” để tuyên án.

Tóm tắt vụ án như sau: tại Cáo trạng số 26/CT-VKS-P1 ngày 09/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố sáu (06) bị cáo về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” theo khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999, gồm: 1) Lê Thanh H, sinh năm 1964, nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Abank – Chi nhánh CT; 2) Trần Huy L, sinh năm 1972, nghề nghiệp: nguyên Phó Giám đốc Abank – Chi nhánh CT; 3) Bùi Tuấn A, sinh năm 1975, nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng tín dụng Abank – Chi nhánh CT; 4) Nguyễn Huỳnh Đạt N, sinh năm 1980, nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TN; 5) Phạm Tường T, sinh năm 1980, nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TT; 6) Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983, nghề nghiệp: nhân viên Công ty TT.

Theo Cáo trạng, vào năm 2006 Nguyễn Huỳnh Đạt N thành lập Công ty ĐBX. Tháng 3/2011, N thành lập Công ty TN tại xã TT, thành phố VT, tỉnh HG. Để có vốn đầu tư, N thành lập nhiều công ty khác, chỉ để lập hồ sơ vay vốn. Số tiền vay được, N không chỉ đầu tư cho sản xuất kinh doanh nông thủy sản mà còn đầu tư kinh doanh bất động sản và trả nợ vay. Do nhu cầu vay vốn ngày càng lớn, N đã câu kết với các cán bộ ngân hàng nâng khống giá trị tài sản thế chấp lên nhiều lần. Hậu quả là N mất khả năng thanh toán.

Tính đến ngày 16/6/2016, tổng số dư nợ của N tại các ngân hàng: Abank, BIDB (làm tròn) là 905 tỷ đồng và 99 ngàn USD. Trong đó, riêng dư nợ tại Abank – CT là 534 tỷ đồng nợ gốc và 148 tỷ đồng nợ lãi. Thiệt hại gây ra cho Abank ở 05 khoản vay (3 công ty và 2 cá nhân) làm tròn là 303 tỷ đồng.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự do Cơ quan điều tra trưng cầu có giá trị thấp hơn kết luận định giá của các công ty thẩm định giá độc lập, giá chuyên nhượng đất do luật sư cung

## TÒA ÁN TUYÊN BỊ CÁO KHÔNG CÓ TỘI...

cấp, đặc biệt có trường hợp Thanh tra Chính phủ kết luận định giá cao hơn Kết luận định giá trong Tổ tụng hình sự. Như vậy, có thể thấy rằng trong lĩnh vực định giá đất hiện nay vẫn còn một số hạn chế như: quy định về phương pháp định giá đất chưa phù hợp thực tiễn có thể kể đến phương pháp định giá đất theo hệ số điều chỉnh giá đất (không phản ánh được các yếu tố hình thành giá đất theo thị trường); một số loại đất, khu vực không có thông tin về giá đất chuyên nhượng trên thị trường hoặc nơi có thị trường nhưng thông tin giá đất thị trường độ tin cậy không cao gây khó khăn trong việc định giá đất (người dân thường kê khai giá chuyên nhượng thấp hơn giá thực tế để giảm thuế thu nhập cá nhân khi chuyên nhượng quyền sử dụng đất); chưa có dữ liệu về giá đất thị trường để thuận lợi cho thực hiện xác định giá đất.

Bên cạnh đó thì doanh nghiệp thẩm định giá chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước khách hàng về kết quả thẩm định giá ghi trong chứng thư thẩm định giá theo hợp đồng thẩm định giá đã ký kết. Trường hợp kết quả thẩm định giá không đúng, gây thiệt hại cho khách hàng hoặc người sử dụng kết quả thẩm định giá (Nhà nước, tổ chức, cá nhân) thì doanh nghiệp thẩm định giá phải bồi thường. Đây là trách nhiệm của công ty thẩm định giá.

[2] Về xác định hậu quả thiệt hại: tại Công văn số 68/CTH-TTGS ngày 25/01/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ đã nhận định: *“Thiệt hại như thế nào, thiệt hại bao nhiêu và có thu hồi đủ nợ hay không còn phụ thuộc vào tình hình thị trường và thời gian bán tài sản”*; Bên cạnh đó, Abank có nhiều văn bản nêu ý kiến và tại phiên tòa, Abank với quan điểm về việc giải quyết vụ án như trên và cho rằng *“vụ việc có thể đã giải quyết thông qua tổ tụng dân sự, Abank đã có thể thu hồi vốn và các khoản vay không phát sinh lãi đến thời điểm bây giờ...”*

[3] Tại các hợp đồng thế chấp tài sản, các bên có thỏa thuận về xử lý tài sản, cụ thể: nếu bên vay vi phạm hợp đồng thì ngân hàng có quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ, phương thức bán tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tài sản khác, thì ngân hàng được bán đấu giá toàn bộ tài sản để thu hồi nợ gồm: nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí có liên quan. Sự thỏa thuận này là quyền tự định đoạt của các đương sự và phù hợp với Điều 336, 338 và 355 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và ý kiến Ngân hàng Abank Việt Nam xác định các tài sản thế chấp là hợp pháp, việc thế chấp là đúng trình tự thủ tục pháp luật nhưng do chưa xử lý tài sản đảm bảo nên chưa có căn cứ để xác định thiệt hại và khắc phục hậu quả đối với các khoản vay của 03 công ty và 02 cá nhân nêu trên.

Như vậy, tài sản cần được định giá là tài sản đảm bảo là bất động sản và tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản hình thành trong tương lai. Khi các bên thỏa thuận được với nhau về việc xử lý tài sản thông qua đấu giá công khai, thì giá trị tài sản mới là khách quan và xác thực, phù hợp với quyền tự định đoạt giữa các đương sự, với giá thị trường. Còn kết luận định giá vẫn là chủ quan và giá trị được định như vậy chỉ là giá trị tham khảo, không thể xác thực, chưa thực sự phù hợp với thị trường, với thỏa thuận giữa các bên trong giao dịch dân sự.

Từ những quan điểm như trên, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ nhận thấy:

- Việc Abank Việt Nam thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại Điều 7 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, khởi kiện đối với 3 doanh nghiệp và 2 cá nhân tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều là đúng pháp luật.

- Trường hợp xét xử đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999 hoặc Điều 206 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì phải xác định được thiệt hại, trong khi hiện nay Abank Việt Nam cũng không xác định được thiệt hại và cho rằng chỉ xác định được sau khi xử lý tài sản đảm bảo, tài sản hình thành từ vốn vay, từ tài sản riêng của các cá nhân, công ty có liên quan... Do đó, Hội đồng xét xử không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội đối với các bị cáo nên áp dụng nguyên tắc “Suy đoán vô tội” theo quy định tại Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tuyên bố các bị cáo vô tội.

Tuy nhiên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 03/QĐ-VKSCT ngày 20 tháng 01 năm 2022 kháng nghị và tại Bản án số 531/2022/HS-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận kháng nghị, quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm nêu trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ điều tra, truy tố lại theo hướng có tội.

Bản án bị hủy dẫn đến kéo dài thời gian điều tra, xử lý hành vi phạm tội làm “quay vòng” số phận pháp lý các bị cáo, gây ảnh hưởng rất lớn đến bản thân và gia đình của họ; tổn kém công sức, tiền bạc, gây khó khăn trong hoạt động tổ tụng hình sự; làm giảm niềm tin của nhân dân vào công lý, vào các cơ quan bảo vệ

pháp luật. Ở vụ án này, do thời gian tố tụng kéo dài nên tiền lãi phát sinh nhiều hơn gốc mà lỗi không phải do các bị cáo gây ra. Phía người bị hại là Abank cũng cho rằng vụ việc có thể đã giải quyết thông qua tố tụng dân sự thì có thể thu hồi vốn và các khoản vay không phát sinh lãi đến thời điểm bây giờ.

Trong vụ án trên, đã có quan điểm khác nhau về xác định thiệt hại của vụ án. Theo đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm cho rằng cần thiết phải xác định được thiệt hại của vụ án, trong khi hiện nay Abank Việt Nam cũng không xác định được thiệt hại và cho rằng chỉ xác định được sau khi xử lý tài sản đảm bảo, tài sản hình thành từ vốn vay, từ tài sản riêng của các cá nhân, công ty có liên quan... kết luận định giá trong tố tụng hình sự vẫn là chủ quan, chỉ là giá trị tham khảo nên không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội đối với các bị cáo. Tuy nhiên, quan điểm của Viện kiểm sát và Hội đồng xét xử phúc thẩm lại cho rằng nhận định đó là không đúng với quy định theo khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP. Thiệt hại trong vụ án được xác định kể từ thời điểm tội phạm hoàn thành và đã được ngăn chặn thời điểm tháng 6/2016 sau khi đối trừ giá trị tài sản đảm bảo với vốn và lãi đã gây thiệt hại cho Abank Việt Nam, theo Kết luận định giá trong tố tụng hình sự là 303 tỷ đồng.

Nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên có thể gây ra băn khoăn về căn cứ pháp lý. Theo đó, phạm vi điều chỉnh Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 về các tội phạm tham nhũng và các tội phạm khác về chức vụ; xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ gây ra; xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm (Gọi tắt là Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP). Trong khi đó, vụ án trên được xét xử đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999 hoặc Điều 206 Bộ luật Hình sự năm 2015 thuộc nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà không thuộc nhóm tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ.

Liên quan đến thời điểm xác định thiệt hại trong tố tụng hình sự, thực tiễn gần đây đã xảy ra các vụ án còn tồn tại quan điểm không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Theo đó, Tòa án thường xác định giá trị thiệt hại tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, nhưng Viện kiểm sát lại xác định tại thời điểm khởi tố vụ án (liên quan đến bị cáo Phan Văn Anh Vũ tại Bản án hình sự số 346/2019/HS-PT ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/QĐ-VKSTC ngày 23/9/2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Quyết định giám đốc thẩm số 14/2019/HS-GĐT ngày 05/12/2019 của Tòa án nhân dân tối cao; và các trường hợp điển hình khác: vụ án sai phạm “đất vàng” 8 - 12 Lê Duẩn đối với bị cáo Nguyễn Thành Tài; vụ án SAGRI đối với bị cáo Lê Tấn Hùng, Trần Vĩnh Tuyền).

Cá biệt, có trường hợp ở một Tòa án nhưng cách xác định thiệt hại lại khác nhau đối với các vụ án có cùng tính chất (Bản án hình sự phúc thẩm số 158/2020/HS-PT ngày 12-5-2020 và Bản án hình sự số 346/2019/HS-PT ngày 13-6-2019 của cùng Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

Thậm chí, khi Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP đã có hiệu lực thi hành thì nhận thức về thời điểm xác định thiệt hại vẫn còn quan điểm khác nhau: liên quan tới sai phạm của bị cáo Tất Thành Cang trong vụ án "Vi phạm về quy định quản lý sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí" xảy ra tại Công ty Tân Thuận. Ngày 03 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án phúc thẩm về thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra phải xác định ở thời điểm hành vi phạm tội hoàn thành, cấp sơ thẩm xác định thiệt hại của vụ án tại 2 dự án Phước Kiển và Ven Sông với tổng số tiền 207,4 tỷ đồng là có căn cứ; cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng hành vi phạm tội phải được xác định kéo dài từ khi hành vi đó xảy ra cho đến khi Nhà nước lấy lại được quyền quản lý tài sản hoặc khi tội phạm bị ngăn chặn (thời điểm khởi tố vụ án).

Sở dĩ, việc xác định thiệt hại trong tố tụng hình sự cần tính tại thời điểm nào vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau trong áp dụng pháp luật, các cơ quan tiến hành tố tụng còn lúng túng, áp dụng mỗi lúc một khác nhau. Bởi lẽ, pháp luật chưa có quy định rõ ràng về cách xác định thiệt hại, thời điểm xác định thiệt hại đối với các nhóm tội phạm nói chung. Theo đó, Bộ luật Hình sự năm 2015 không quy định cụ thể thời điểm xác định thiệt hại (Điều 48); Bên cạnh đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ liệt kê các thiệt hại được bồi thường nhưng chưa quy định cụ thể thời điểm xác định thiệt hại (Điều 589). Mặt khác, Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 03 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự (thay thế Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2005 về Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự) chỉ quy định nguyên tắc định giá tài sản

## TÒA ÁN TUYÊN BỊ CÁO KHÔNG CÓ TỘI...

nhưng không quy định nội dung bắt buộc việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự phải dựa vào thời điểm khởi tố vụ án hoặc thời điểm thực hiện hành vi phạm tội.

### **2.2. Hành vi không cấu thành tội phạm**

Xem xét Quyết định số 48/2018/HS-GĐT Ngày 12 tháng 3 tháng 2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 23/12/2015, Công an quận H phối hợp cùng đoàn công tác liên ngành 389 Thành phố Hà Nội tiến hành kiểm tra hành chính tại cửa hàng tạp hóa H của Vũ Văn T tại tổ dân phố 2, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội phát hiện và thu giữ 3115 bao thuốc lá các loại. Tại Kết luận giám định số 8464 ngày 31/12/2105 của Phòng C54 Công an Thành phố Hà Nội đã kết luận: “Toàn bộ 3115 bao thuốc lá điếu (mỗi bao 20 điếu) đều là thuốc lá điếu do nước ngoài sản xuất”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2016/HSST ngày 10-3-2016, Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 155; Điều 30; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ Văn T 23.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước về tội "Buôn bán hàng cấm". Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nên có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị giám đốc thẩm và Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy Bản án hình sự sơ thẩm đó, tuyên bố Vũ Văn T không phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và đình chỉ vụ án.

Ở vụ án trên, Tòa án nhận định: tại Phụ lục 4 kèm theo Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2015 quy định: “Kinh doanh sản phẩm thuốc lá” thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, tại khoản 40 và khoản 41 Điều 1 Luật số 12/2017/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, bổ sung quy định “Thuốc lá điếu nhập lậu” là hàng cấm. Như vậy, kể từ ngày 01/7/2015 (ngày mà Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực thi hành) đến ngày 01/01/2018 (ngày mà Luật số 12/2017/QH14 có hiệu lực thi hành) không xác định thuốc lá điếu nhập lậu là hàng cấm và không xử lý hình sự đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu trong nội địa quy định tại Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do chính sách pháp luật thay đổi, vì vậy hành vi buôn bán 3.115 bao thuốc lá nhập lậu của Vũ Văn T vào ngày 23/12/2015 không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Buôn bán hàng cấm”.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo và nhằm thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật thì hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm nên hủy bản án kết tội trước đó, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án. Tòa án cũng nêu rõ: việc xác định bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án là do chính sách hình sự mới nhân đạo của nhà nước nên bị cáo không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Bên cạnh đó, mặc dù hành vi của bị cáo không bị xử lý về mặt trách nhiệm hình sự nhưng Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo cần xử lý vi phạm hành chính để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, do đó cần chuyển bản án, hồ sơ, tang vật của vụ án đến cơ quan có thẩm quyền xem xét xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

### **2.3. Nhà nước có thay đổi về chính sách pháp luật nên hành vi không cấu thành tội phạm**

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 95/2019/HS-PT ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tuyên bố bị cáo Ma Đình Q không phạm tội “Đánh bạc” và đình chỉ vụ án.

Tóm tắt vụ án như sau: Bị cáo Ma Đình Q (bị cáo Q) có 2 lần phạm tội bị Tòa án huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên xét xử và tuyên án.

Ở lần phạm tội thứ nhất: vào ngày 21/4/2015, bị cáo Q và các đồng phạm có hành vi đánh bạc, cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ dưới chiếu bạc là 2.350.000 đồng, thu trên người các bị cáo khác là 4.050.000 đồng (tổng cộng thu được 6.400.000 đồng). Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa truy tố bị cáo Q và các bị cáo khác về tội “Đánh bạc”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2015/HSST ngày 15-9-2015 (Bản án thứ nhất), Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tuyên bị cáo Q sáu (06) tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Bản án sơ thẩm này không cáo kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Ở lần phạm tội thứ hai: vào khoảng 22 giờ ngày 12/01/2016, tại Lán trông cá của Ma Đình Y tại thôn QL, xã PD, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, Ma Đình Q cùng 06 đối tượng khác lại tiếp tục có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang, thu giữ 2.990.000 đồng là tổng số tiền các đối tượng dùng

vào việc đánh bạc. Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2016/HSST ngày 17-11-2016 (Bản án thứ hai), Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố bị cáo Q phạm tội: “Đánh bạc”; áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 51; khoản 5 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Ma Đình Q 12 tháng tù; Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù của Bản án thứ nhất nêu trên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 18 tháng tù.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: kể ngày 09/12/2015 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được công bố, sẽ không xử lý hình sự đối với người thực hiện hành vi mà Bộ luật Hình sự 1999 quy định là tội phạm nhưng Bộ luật Hình sự 2015 không quy định là tội phạm. Do đó, bị cáo Ma Đình Q thuộc trường hợp được miễn chấp hành hình phạt và đương nhiên được xóa án tích đối với Bản án thứ nhất nên hành vi đánh bạc lần hai vào ngày 12/01/2016 với số tiền 2.990.000 đồng (dưới 5.000.000đ) của Ma Đình Q không cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Như vậy, Bản án thứ hai nêu trên đã xác định Bản án thứ nhất đối với bị cáo Q chưa được xóa án tích, từ đó xác định hành vi đánh bạc của Q lần 2 ngày 12/01/2016 với số tiền là 2.990.000 đồng đã cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tuyên bị cáo phạm tội “Đánh bạc” là không đúng.

Căn cứ khoản 2 Điều 157, Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định hủy Bản án thứ hai nêu trên của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

Ở vụ án này, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định chưa chính xác tiền án dẫn đến nhận định sai yếu tố cấu thành tội phạm, tuyên bị cáo có tội là không phù hợp. Trường hợp này được xác định nguyên nhân xuất phát từ hoạt động xét xử của Tòa án, do nhận thức và áp dụng pháp luật không đúng dẫn đến Tòa án nhận định, đánh giá không toàn diện, không phù hợp tài liệu chứng cứ khách quan.

### 3. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

**Thứ nhất**, quy định rõ ràng thời điểm xác định thiệt hại trong tố tụng hình sự đối với các tội phạm bắt buộc phải xác định được thiệt hại là cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự. Theo đó có thể xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP về các nội dung: (i) phạm vi điều chỉnh; (ii) thời điểm xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại phù hợp với đặc điểm các nhóm tội phạm khác nhau; (iii) làm rõ hơn một số khái niệm đề cập trong Nghị quyết như: tội phạm thực hiện liên tục, kéo dài, thời điểm tội phạm kết thúc, thời điểm thiệt hại được ngăn chặn, v.v,...

Mặt khác, ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan tiền hành tố tụng để hướng dẫn xác định thiệt hại trong các vụ án hình sự nhằm thống nhất trong nhận thức để áp dụng pháp luật.

**Thứ hai**, Kiến nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét ban hành Nghị quyết để hướng dẫn áp dụng đúng và thống nhất các quy định pháp luật sau:

*Một là*, hướng dẫn xét xử vụ án hình sự tại Điều 206 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng. Theo đó, xem xét quy định việc xác định giá trị thiệt hại để xử lý trách nhiệm hình sự trên cơ sở kết quả xử lý tài sản bảo đảm thông qua đấu giá công khai, xác định khách quan trị giá tài sản phù hợp với giá thị trường và tôn trọng quyền tự định đoạt giữa các đương sự, không xác định giá trị thiệt hại tại thời điểm xảy ra tội phạm hoặc thời điểm khởi tố vụ án; Nhằm thực hiện chủ trương: “*ngiên cứu đề xuất cách làm theo hướng tăng phòng ngừa, giảm xử lý hình sự mà thay thế bằng khởi kiện dân sự và tạo điều kiện cho chủ thể sai phạm khắc phục hậu quả*”.

*Hai là*, quy định áp dụng Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2021 về suy đoán vô tội. Theo đó, xem xét quy định những nội dung chặt chẽ kèm theo chế tài tương ứng khi xác định không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội thì Hội đồng xét xử dứt khoát phải tuyên bị cáo không phạm tội, khôi phục ngay quyền công dân cho họ. Bên cạnh đó, cần thiết rà soát để hoàn thiện đồng bộ cơ chế pháp lý nhằm quy định hạn chế đến mức thấp nhất việc Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc hủy án chuyển hồ sơ để điều tra, truy tố, xét xử lại dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

**Thứ ba**, tên gọi Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2021 là “*Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*” có thể gây ra cách hiểu là nguyên tắc tranh tụng chỉ đơn thuần áp dụng ở một giai đoạn tố tụng là hoạt động xét xử của Tòa án. Kiến nghị xem xét sửa đổi tên gọi điều luật trên để thể hiện các giai đoạn khác trong tố tụng hình sự là khởi tố, điều tra, truy tố đều được chi phối bởi nguyên tắc này cho bình đẳng, tránh gây ra cách hiểu khác nhau trong áp dụng pháp luật./.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu các trường hợp Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội để xác định các nguyên nhân cụ thể, từ đó kiến nghị các biện pháp phòng ngừa sai sót tương tự có thể xảy ra ở góc nhìn giảm thiểu oan, sai ngay từ khâu đầu tiên của quá trình tố tụng hình sự.

Bài viết trình bày một số vụ án điển hình từ kết quả Đề tài khoa học nghiên cứu 13 vụ án Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội qua thực tiễn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xác định thể hiện ở 03 dạng cụ thể xuất phát các nguyên nhân: (i) có sự không thống nhất trong áp dụng pháp luật do quy định pháp luật chưa cụ thể, chưa rõ ràng; (ii) Hội đồng xét xử có sai lầm trong áp dụng pháp luật và (iii) áp dụng nguyên tắc hồi tố trong tố tụng hình sự. Từ các nguyên nhân đó làm căn cứ kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện pháp luật. Do hạn chế từ nguyên nhân khách quan là khả năng tiếp cận nguồn thông tin, tài liệu gặp khó khăn vì ít công khai từ các cơ quan tiến hành tố tụng nên việc tổng kết, đánh giá, phân tích chưa được đầy đủ, các kiến nghị về giải pháp có thể chưa toàn diện, chưa sát với thực tiễn.

Xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp kinh phí; Ban Biên tập Tạp chí Khoa học và Công nghệ IUH; PGS.TS Lê Minh Hùng; các anh chị công tác ở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quý thầy cô đồng nghiệp đã giúp đỡ chúng tôi thực hiện nghiên cứu này./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Chính trị (2022). *Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022*.

Độ, Tr.V (2020). *Đổi mới nhận thức một số vấn đề lý luận về tội phạm và cấu thành tội phạm*. Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 10-2020.

Hòa, Ng.Ng (2015). *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb.Tư pháp, Hà Nội, tr.18 và các trang tiếp theo, tr.144-145.

Quế, Đ.V (2010). *Tìm hiểu tội phạm và hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Phương Đông, 2010, tr.14 và các trang tiếp theo.

Tòa án nhân dân tối cao. *Báo cáo tổng kết năm 2020 và nhiệm kỳ 2016-2020; năm 2021; năm 2022*.

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2021, tr.383-384.

## THE VERDICT OF THE COURT THAT THE DEFENDANT BE NOT GUILTY THROUGH THE IMPLEMENTATION OF THE CRIMINAL PROCEDURES CODE 2015 AMENDED AND SUPPLEMENTED IN 2021

NGUYEN QUANG DAO\*, LE VAN THANG, NGUYEN THANH MINH CHANH, NGUYEN THI KIM OANH

*Faculty of Law, Industrial University of Ho Chi Minh City  
Faculty of Business Administration, University of Economics and Law,  
Vietnam National University Ho Chi Minh City*

\* *nguyenquangdao@iuh.edu.vn*

**Summary.** In crime prevention, Vietnam's criminal procedural agencies carrying out investigation, prosecution and trial activities have basically ensured to figure out the right people, the right crimes and the right law. However, there are still situations where the Court finds the accused not guilty of the crime during the trial of the criminal case; There are many reasons for such situation: due to procedural violations or serious violations in the application of criminal law at the stage of prosecution, investigation and prosecution, leading to wrongdoing, serious cases, causing public outrage; There are cases arising from the trial activities of the Court that have judged and assessed incomprehensively and inappropriately the objective evidentiary material of the case; in many cases, due to changes in legal policies by the State, the act does not constitute a crime; In addition, there are also reasons that there exist a number



of overlapping and conflicting provisions between legal documents governing the same issue or incoherent regulations, leading to different interpretations and applications of the law, causing many difficulties in law enforcement in practice.

This article is part of a school-level scientific research topic and aims to evaluate the situation to identify common violations, clarify the causes of the situation of criminal cases. The court has acquitted the accused, from which some recommendations for appropriate solutions will be made to contribute to ensuring the accurate and lawful handling of crimes and preventing any infringement of human rights and citizens' rights as stipulated by the Constitution.

**Keywords:** Acquitted court, court acquittal, acquitted defendant.

*Ngày gửi bài: 04/07/2023*

*Ngày chấp nhận đăng: 07/08/2023*